

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MINH
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 9 năm 2024
V/v “Tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Thoa;
- Bà Mua Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Mai Minh Thuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2024 về việc “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-DS, ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lộc Thị T; sinh năm: 1990; nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: Tày; CCCD số: 002190007789 do Cục CSQLHCVTTXH – BCA cấp ngày 27/6/2021; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P; Sinh năm: 1986; Nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: Tày; CCCD số: 002086008837 do Cục CSQLHCVTTXH – BCA cấp ngày 07/9/2023; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 22/7/2024, bản tự khai ngày 25/7/2024 nguyên đơn chị Lộc Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1986, cư trú tại Thôn B, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang chung sống với nhau như vợ chồng được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương vào ngày 11/01/2007, lúc đó do tôi chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên hai chúng tôi không đi đăng ký kết hôn và cho đến nay vẫn chưa đi làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, việc chung sống như vợ chồng là do cả hai chúng tôi tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống chúng tôi có với nhau 03 người con chung. Cuộc sống hôn nhân chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là vào năm 2010 anh P dính vào tệ nạn nghiện ma túy, chơi cờ bạc tiêu tán tài sản trong gia đình khiến hoàn cảnh kinh tế gia đình vốn dĩ đã khó khăn, ngày càng lâm vào tình cảnh khó khăn hơn, năm 2022 anh P bị đưa đi cai nghiện bắt buộc sau khi hết thời gian trở về, anh P không tu chí làm ăn vẫn thường xuyên cờ bạc, sử dụng ma túy, mặc dù nhiều lần tôi và gia đình khuyên bảo nhưng anh P không thay đổi, mà còn đe dọa đánh đập tôi, hai bên nhiều lần xảy ra tranh cãi, khiến cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng không thể cứu vãn được. Bản thân tôi nhận thấy không còn tình cảm gì với anh P nữa, nên tôi làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và anh P.

- Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung gồm Nguyễn Thị D, sinh ngày 19/5/2009, Nguyễn Thị D1, sinh ngày 17/6/2011, Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/7/2012. Khi ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 3 con chung. Trường hợp các con chung có nguyện vọng ở với bố thì tôi nhất trí để anh P trực tiếp nuôi cả 3 con chung, tôi sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cả 3 con chung với mức 400.000đ/tháng/01 con, cho đến khi các con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm giao con và cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chúng tôi không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/8/2024, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 28/8/2024 và Đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt ngày 28/8/2024 nguyên đơn chị Lộc Thị T thay đổi yêu cầu về con chung đề nghị anh P là người trực tiếp nuôi con chị T sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 3 con chung với mức 400.000đ/tháng/01 con, cho đến khi các con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm giao con và cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2024 của bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Lộc Thị T, sinh năm 1990, trước đây trú tại thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương từ ngày 11/01/2007, sau đó chúng tôi về chung sống cùng nhau tại Thôn B, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang, do chị T chưa đủ tuổi kết hôn, thời điểm đó địa phương không có phong trào đăng ký kết hôn nên chúng tôi chưa đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chúng tôi có với nhau 03 người con. Nay chị

T làm đơn xin ly hôn, tôi không nhất trí vì tôi vẫn còn tình cảm với vợ tôi, mặt khác quá trình chung sống chúng tôi không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên không hiểu vì lý do gì mà vợ tôi bỏ đi làm công ty từ tháng 12/2023 không về nữa, vợ chồng tôi sống ly thân nhau đến nay. Thỉnh thoảng tôi và vợ có liên lạc qua điện thoại với nhau, tôi thấy mâu thuẫn của chúng tôi chưa đến mức phải ly hôn vẫn có thể hàn gắn được do vậy tôi đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng tôi đoàn tụ.

- Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung gồm Nguyễn Thị D, sinh ngày 19/5/2009, Nguyễn Thị D1, sinh ngày 17/6/2011, Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/7/2012. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và đề nghị chị T cấp dưỡng với mức 400.000đ/ tháng/01 con, thời điểm cấp dưỡng và giao con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người nhận và quản lý tiền cấp dưỡng là tôi.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chung tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản xem xét nguyện vọng của các con chung này 23/7/2023, ngày 23/8/2024 các con chung của anh P, chị T đều có nguyện vọng được ở cùng bố Nguyễn Văn P.

Tại biên bản xác minh ngày 23/7/2024 tại chính quyền địa phương xã N đã xác định được anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1986 và chị Lộc Thị T cư trú tại Thôn B, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 19/5/2009, Nguyễn Thị D1, sinh ngày 17/6/2011, Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/7/2012. Hiện cháu D đang đi làm xa, cháu D1, Đ đang ở cùng anh P tại địa phương, quá trình chung sống như vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì do không thấy báo chính quyền địa phương hòa giải. Hoàn cảnh gia đình của anh chị là hộ nghèo của xã, nghề nghiệp chính của anh chị là trồng trọt, thỉnh thoảng có đi làm công ty kiếm thêm thu nhập nhưng không ổn định. Anh P hiện được bố mẹ làm nhà ra ở riêng tại thôn B. Theo thông tin nắm bắt từ dư luận hiện anh chị đang có mâu thuẫn, sống ly thân nhau, không còn quan tâm gì đến nhau nữa; về điều kiện nuôi con của hai anh chị là như nhau; về mức thu nhập bình quân tại địa phương là 22.300.000đ/người/năm.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên quan điểm yêu cầu của mình đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng; về con chung đề nghị anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung gồm Nguyễn Thị D, sinh ngày 19/5/2009, Nguyễn Thị D1, sinh ngày 17/6/2011, Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/7/2012, chị T sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung với mức 400.000đ/tháng/01 con, cho đến khi các con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm giao con và cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; về tài sản chung, công nợ chung chị T xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn giữ nguyên yêu cầu về việc không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn; về con chung trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 3 con chung và đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi 3 con chung với mức 400.000đ/tháng/01 con, thời điểm cấp dưỡng và giao con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người nhận và quản lý tiền cấp dưỡng là anh P; về tài sản chung, công nợ chung anh P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành không đầy đủ các quyết định của Tòa án và pháp luật tố tụng, cụ thể vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa ngày 12/9/2024 mà không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lộc Thị T và anh Nguyễn Văn P; về con chung công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao các cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 19/5/2009, Nguyễn Thị D1, sinh ngày 17/6/2011, Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/7/2012 cho anh Nguyễn Văn P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Lộc Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con với mức 400.000đ/tháng/01 con, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng và giao con kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật. Về tài sản, công nợ chung: Chị T, anh P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng cho chị Lộc Thị T.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Lộc Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con với anh Nguyễn Văn P, nơi cư trú tại Thôn B, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án và quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn chấp hành không đầy đủ các quyết định của Tòa án và pháp luật tố tụng, cụ thể vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa ngày 12/9/2024 mà không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lộc Thị T và anh Nguyễn Văn P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 mà không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn, hai anh chị sống ly thân nhau từ năm 2023 đến nay, chị T khẳng định không còn tình cảm với anh P nữa, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh P. Mặc dù anh P không nhất trí ly hôn mong muốn được đoàn tụ, tuy nhiên căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy việc chung sống như vợ chồng giữa chị T và anh P không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng do đó cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh P theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị T và anh P xác nhận hai anh chị có với nhau 03 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 19/5/2009, Nguyễn Thị D1, sinh ngày 17/6/2011, Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/7/2012, quan điểm của chị T và anh P trong quá trình giải quyết vụ án đều nhất trí đề nghị giao các con Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Văn Đ cho anh Nguyễn Văn P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Lộc Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con với mức 400.000đ/tháng/1 con, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của các cháu và đúng quy định tại các Điều 15, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị Lộc Thị T và anh Nguyễn Văn P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chấp nhận đơn xin miễn án phí của chị Lộc Thị T ngày 23/7/2024 vì chị T là người dân tộc thiểu số (dân tộc Tày) sinh sống ở Thôn B, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí ly hôn và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Lộc Thị T theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T và anh P được đoàn tụ là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lộc Thị T và anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung, giao các cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 19/5/2009, Nguyễn Thị D1, sinh ngày 17/6/2011, Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/7/2012 cho anh Nguyễn Văn P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Lộc Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con với mức 400.000đ/tháng/01 con (tổng số tiền cấp dưỡng là 1.200.000đ/tháng/03 con) cho đến khi các con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng và giao con kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật. Người nhận và quản lý tiền cấp dưỡng là anh Nguyễn Văn P, địa chỉ Thôn B, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đối với chị Lộc Thị T, tổng số án phí được miễn là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Chi cục THADS H Yên Minh;
- UBND xã Ngọc Long, huyện Yên Minh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạng